

GIẢI PHÓNG CÁC ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

HOÀNG NGỌC HẢI*

Kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm và huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển đất nước. Tuy nhiên, khu vực kinh tế tư nhân vẫn chưa phát huy hết tiềm năng do tác động của sự thiếu đồng bộ về thể chế, chính sách; sự hạn chế của năng lực quản trị, đổi mới sáng tạo và mức độ liên kết trong chuỗi giá trị. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, bài viết tập trung làm rõ các yếu tố cấu thành “động lực phát triển” của kinh tế tư nhân, từ đó, đề xuất một số giải pháp mang tính hệ thống để khai mở và củng cố động lực này trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân; động lực phát triển; thể chế kinh tế thị trường; tinh thần khởi nghiệp; đổi mới; phát triển bền vững; xã hội chủ nghĩa.

The private sector economy constitutes an essential component of Vietnam's socialist-oriented market economy, playing an increasingly significant role in promoting growth, creating employment, and mobilizing social resources for national development. However, the private economic sector has not yet fully realized its potential due to institutional and policy inconsistencies, as well as limitations in governance capacity, innovation, and integration within value chains. Based on theoretical and practical analysis, this article clarifies the constituent elements of the “drivers of development” of the private sector economy, thereby proposing several systematic solutions to unlock and strengthen these drivers in the new period.

Keywords: Private sector economy; development drivers; market economy institutions; entrepreneurial spirit; innovation; sustainable development; socialism.

NGÀY NHẬN: 06/12/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 29/12/2025 NGÀY DUYỆT: 23/01/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.360.2026.1402>

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã tạo động lực mạnh mẽ cho kinh tế tư nhân, thể hiện qua việc khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, củng cố niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp và xã hội. Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị

trường định hướng XHCN ở Việt Nam, kinh tế tư nhân luôn được Đảng và Nhà nước khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Đại hội XII (năm 2016) coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Trong đó, nhấn mạnh:

* TS, Học viện Hành chính và Quản trị công

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế đa sở hữu, tư nhân, góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước”¹.

Tại Đại hội XIII (năm 2021), Đảng đã nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân, với nhiều nội dung mới mang tính khái quát cao. Đại hội đã thống nhất và nâng cao nhận thức về sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư nhân ở Việt Nam, nêu rõ khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam “thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế”². Nghị quyết số 68-NQ/TW xác định: “Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân”. Đây là bước chuyển biến quan trọng trong nhận thức của Đảng về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, phản ánh yêu cầu khách quan của quá trình hội nhập và phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong bốn thập kỷ đổi mới đất nước, khu vực kinh tế tư nhân đã không ngừng mở rộng về quy mô và lĩnh vực hoạt động, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế. Hiện nay, khu vực này chiếm khoảng 45% GDP, thu hút hơn 85% lực lượng lao động và đóng góp khoảng 30% tổng thu ngân sách nhà nước³.

Tuy nhiên, quy mô doanh nghiệp tư nhân vẫn còn nhỏ bé, năng lực công nghệ, quản lý yếu kém, sức cạnh tranh thấp, đặc biệt là thiếu các tập đoàn kinh tế tư nhân có năng lực dẫn dắt ở tầm khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, hệ thống thể chế, chính sách, môi trường kinh doanh còn nhiều rào cản, bất cập: khung pháp lý chưa thực sự ổn định, thủ tục hành chính còn rườm rà, cơ chế tiếp cận vốn, đất đai, nguồn lực còn bất cập, còn sự bất bình đẳng giữa các khu vực kinh tế trong việc tiếp cận các cơ hội đầu tư. Năng lực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chất lượng nguồn nhân lực

của khu vực tư nhân chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gay gắt và xu hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, việc khai phá những động lực phát triển mới cho khu vực tư nhân đã trở thành một yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược.

2. Cơ sở lý luận về động lực phát triển kinh tế tư nhân

2.1. Khái niệm và bản chất của kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân được hiểu là khu vực kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, vận hành theo cơ chế thị trường, tự chủ trong quyết định và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Theo nghĩa rộng, khu vực tư nhân, bao gồm: các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần không có vốn nhà nước và hợp tác xã kiểu mới, nơi sở hữu tư nhân chiếm ưu thế. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, kinh tế tư nhân là một bộ phận quan trọng, cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tạo thành một hệ thống kinh tế đa thành phần thống nhất. Về bản chất, khu vực tư nhân linh hoạt, năng động và nhạy bén với các tín hiệu thị trường. Khu vực này thể hiện rõ khả năng thích ứng, sáng tạo và khai thác hiệu quả các nguồn lực xã hội thông qua cơ chế cạnh tranh. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, kinh tế tư nhân còn đóng vai trò chủ chốt trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo việc làm, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tuy nhiên, với định hướng XHCN, sự phát triển của khu vực tư nhân ở Việt Nam cần được đặt trong khuôn khổ thể chế pháp lý minh bạch, có sự điều tiết của Nhà nước để bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể và phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Như vậy, kinh tế tư nhân là một chủ thể kinh tế độc lập nhưng gắn bó hữu cơ với nền kinh tế quốc dân, vừa là

động lực tăng trưởng, vừa là nhân tố quan trọng góp phần ổn định kinh tế - xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

2.2. Lý thuyết cơ bản về động lực phát triển kinh tế tư nhân

Đối với khu vực tư nhân, động lực phát triển được hình thành trên cơ sở thể chế kinh tế - chính trị thuận lợi, môi trường kinh doanh minh bạch, khả năng tiếp cận nguồn lực, trình độ công nghệ, năng lực quản lý và tinh thần khởi nghiệp. Trong đó, thể chế, chính sách được xem là “động lực bên ngoài” định hình hành vi của doanh nghiệp, trong khi năng lực đổi mới sáng tạo, chất lượng nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp là “động lực bên trong” quyết định sức sống và khả năng phát triển bền vững.

Khu vực tư nhân phát triển mạnh mẽ chỉ có thể hình thành khi các động lực này được khai thông, vận hành đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau. Thể chế minh bạch tạo điều kiện cho doanh nghiệp an tâm đầu tư; đổi mới sáng tạo giúp tăng năng suất và giá trị gia tăng, trong khi tinh thần khởi nghiệp là yếu tố nội sinh thúc đẩy doanh nghiệp không ngừng tìm kiếm cơ hội phát triển mới. Việc xác định, phân tích và củng cố các động lực phát triển có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành một khu vực tư nhân năng động, hiệu quả và hội nhập. Ở cấp độ học thuật, một số lý thuyết kinh tế hiện đại có thể được áp dụng để giải thích bản chất và cơ chế hình thành động lực phát triển của khu vực tư nhân.

Thứ nhất, lý thuyết phát triển kinh tế tư nhân của Schumpeter và Drucker nhấn mạnh vai trò của sáng tạo và tinh thần kinh doanh. Theo Schumpeter (1934)⁴, doanh nhân là người thực hiện “đổi mới sáng tạo” thông qua việc kết hợp các yếu tố sản xuất theo một cách mới để tạo ra giá trị. Drucker (1985)⁵ mở rộng khái niệm đổi mới này như là “nguồn lực duy nhất tạo ra của cải”. Theo đó, động lực phát triển kinh tế tư nhân trước

hết bắt nguồn từ năng lực sáng tạo và khát vọng kinh doanh của doanh nhân.

Thứ hai, lý thuyết thể chế của Douglass North (1990)⁶ cho rằng, phát triển kinh tế phụ thuộc cơ bản vào chất lượng của các thể chế. Các thể chế minh bạch, bảo đảm quyền sở hữu tài sản và tự do kinh doanh sẽ giảm chi phí giao dịch, khuyến khích đầu tư tư nhân và tăng hiệu quả kinh tế. Ngược lại, các thể chế yếu kém và thủ tục hành chính phức tạp sẽ cản trở năng lực phát triển của khu vực tư nhân.

Thứ ba, lý thuyết tăng trưởng nội sinh nhấn mạnh vốn con người, kiến thức và công nghệ là những yếu tố nội sinh quyết định tăng trưởng dài hạn. Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa, năng lực đổi mới, trình độ công nghệ và kỹ năng của lực lượng lao động là động lực nội tại quan trọng nhất để khu vực tư nhân phát triển bền vững.

3. Những vấn đề của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam hiện nay

Trong bốn thập kỷ phát triển, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng kể về quy mô, cơ cấu và đóng góp cho nền kinh tế. Đến cuối năm 2024, Việt Nam có 940.078 doanh nghiệp đang hoạt động (tăng 2% so với cùng kỳ năm 2023), trong đó, có gần 98% doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa⁷. Khu vực này đã trở thành động lực lớn trong việc thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ và mở rộng hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, phân tích sâu hơn, có thể thấy, khu vực kinh tế tư nhân vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và vai trò được kỳ vọng. Phần lớn các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn đăng ký bình quân dưới 10 tỷ đồng, thiếu năng lực tích lũy và tập trung nguồn lực cho đầu tư dài hạn. Năng suất lao động của khu vực kinh tế tư nhân chỉ bằng 34% năng suất lao động của khu vực doanh nghiệp nhà nước và khoảng 69% năng suất lao động của khu vực FDI⁸. Năng lực đổi mới

sáng tạo còn yếu, tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) còn thấp, hầu hết hoạt động đều nằm trong các ngành có giá trị gia tăng thấp. Việc chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng số hóa, xanh hóa và hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu còn chậm. Điều này cho thấy, mặc dù tăng nhanh về số lượng, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam vẫn chưa tạo được sự chuyển biến căn bản về chất, chưa hình thành được những tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có khả năng dẫn dắt và lan tỏa trong nền kinh tế.

Thứ nhất, thể chế, chính sách kinh tế còn chồng chéo, chưa thực sự tạo dựng được môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng. Nhiều quy định pháp luật còn mâu thuẫn giữa các ngành, lĩnh vực, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình triển khai. Hiện tượng “giấy phép con” và cơ chế xin - cho vẫn còn tồn tại ở một số lĩnh vực, làm giảm động lực đầu tư, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

Thứ hai, khả năng tiếp cận các nguồn lực, đặc biệt là vốn, đất đai và tín dụng còn hạn chế. Hệ thống ngân hàng vẫn là kênh cung cấp vốn chủ yếu, nhưng hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ đều gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu về tài sản thế chấp, hồ sơ tín dụng, minh bạch tài chính. Thị trường vốn phi ngân hàng, như: chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm chưa phát triển tương xứng.

Thứ ba, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của khu vực tư nhân còn yếu. Phần lớn doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp nhỏ, do chủ doanh nghiệp trực tiếp điều hành, thiếu đội ngũ quản lý chuyên nghiệp. Tỷ lệ lao động được đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp trong khu vực tư nhân còn thấp, chỉ khoảng 26% so với mức trung bình hơn 50% của khu vực FDI⁹. Việc ứng dụng công nghệ quản lý hiện đại, chuyển đổi số, quản lý tài chính - nhân sự trên nền tảng dữ liệu vẫn đang ở giai đoạn đầu.

Thứ tư, sự liên kết giữa các doanh nghiệp tư nhân với nhau cũng như với khu vực kinh tế nhà nước và doanh nghiệp FDI vẫn còn rất yếu. Việc thiếu các liên kết chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành khiến khu vực tư nhân khó tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu, vốn phụ thuộc nhiều vào gia công và thầu phụ. Các chính sách hỗ trợ hợp tác công tư (PPP) chưa đủ hấp dẫn hoặc vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý, khiến doanh nghiệp e ngại đầu tư dài hạn.

Thứ năm, tinh thần khởi nghiệp và văn hóa doanh nghiệp chưa thực sự mạnh mẽ và bền vững. Một số doanh nghiệp tư nhân còn thiên về lợi ích ngắn hạn, chưa chú trọng đầu tư vào công nghệ, đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Các giá trị đạo đức kinh doanh, chuẩn mực quản trị minh bạch và niềm tin xã hội đối với doanh nhân vẫn cần được củng cố. Điều này cho thấy, cần có chiến lược xây dựng văn hóa doanh nghiệp tư nhân như một yếu tố nội sinh của động lực phát triển.

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, việc giải phóng nguồn lực xã hội, phát triển lực lượng doanh nhân, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường quan hệ đối tác công tư là bốn trụ cột then chốt để tạo dựng và củng cố động lực phát triển bền vững trong khu vực tư nhân. Đây không chỉ là những vấn đề thực tiễn cấp bách mà còn là những yêu cầu lý luận cho quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập và bao trùm. Cụ thể, giải phóng nguồn lực xã hội là tiền đề để khu vực kinh tế tư nhân mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng phát triển.

Việc hình thành hệ sinh thái hỗ trợ doanh nhân, bao gồm các chính sách đào tạo, cố vấn, kết nối thị trường và các chính sách ưu đãi cho khởi nghiệp sáng tạo là hướng đi thiết yếu để nuôi dưỡng thế hệ doanh nhân mới năng động, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Mặt khác, thúc đẩy đổi mới sáng tạo là một yêu cầu nội

sinh của phát triển kinh tế tư nhân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Đổi mới sáng tạo không chỉ là ứng dụng công nghệ mới mà còn là đổi mới mô hình kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và quản lý thị trường.

Việc tăng cường hợp tác công tư (PPP) là một giải pháp chiến lược để huy động và điều phối hiệu quả các nguồn lực phát triển. Sự hợp tác giữa Nhà nước và khu vực tư nhân không chỉ giới hạn ở đầu tư cơ sở hạ tầng mà còn mở rộng sang các lĩnh vực giáo dục, y tế, năng lượng, chuyển đổi số và phát triển xanh. Yêu cầu cơ chế PPP được hoàn thiện theo hướng minh bạch, chia sẻ rủi ro hợp lý, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa các bên. Qua đó, quan hệ đối tác công tư sẽ là nền tảng để khu vực tư nhân không chỉ đơn thuần là “bên tham gia” mà còn là “đối tác phát triển” thực sự trong quá trình hiện đại hóa đất nước.

4. Đề xuất một số giải pháp

Một là, đổi mới tư duy quản lý nhà nước, xây dựng khuôn khổ thể chế kiến tạo, minh bạch, công bằng.

Trong bối cảnh mới, việc kinh tế tư nhân vươn lên trở thành động lực chủ chốt đòi hỏi phải có sự chuyển đổi tư duy quản lý nhà nước, hướng tới xây dựng một khuôn khổ thể chế kiến tạo, minh bạch và công bằng. Tư duy quản lý nhà nước truyền thống, tập trung vào kiểm soát và can thiệp trực tiếp, cần được thay thế bằng mô hình kiến tạo, trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ và khuyến khích sự phát triển tự do của doanh nghiệp tư nhân. Điều này đòi hỏi sự thay đổi sâu sắc trong nhận thức của các nhà hoạch định chính sách và công chức, từ việc coi doanh nghiệp là đối tượng quản lý sang đối tác phát triển.

Thể chế kiến tạo cần được xây dựng trên nền tảng minh bạch và công bằng. Minh bạch trong ban hành và thực thi chính sách, bảo đảm các quy định pháp luật được công

khai, dễ tiếp cận và dễ hiểu, giúp doanh nghiệp dự đoán và thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Công bằng trong tiếp cận nguồn lực, từ vốn, đất đai đến thông tin và cơ hội kinh doanh, xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử và tạo sân chơi bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế. Để đạt được mục tiêu này, cần có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ và ổn định, loại bỏ các quy định chồng chéo, mâu thuẫn và thiếu nhất quán. Thủ tục hành chính cần được đơn giản hóa, số hóa và công khai, giảm thiểu thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Đồng thời, có cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả, bảo đảm chính sách được xây dựng trên cơ sở khoa học và thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Hai là, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân.

(1) Về xây dựng môi trường thể chế và chính sách hỗ trợ: hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp, hoạt động R&D và bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm tính minh bạch, khả thi và phù hợp với thông lệ quốc tế; áp dụng các ưu đãi thuế cho hoạt động R&D, mua sắm công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực số; thành lập các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cung cấp vốn hạt giống, đầu tư mạo hiểm và các khoản vay ưu đãi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp; tập trung đầu tư vào cơ sở hạ tầng viễn thông băng thông rộng, trung tâm dữ liệu và nền tảng số dùng chung; đồng thời, phát triển các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm doanh nghiệp và phòng thí nghiệm mở.

(2) Để nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp, cần tập trung phát triển nguồn nhân lực thông qua việc triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số, kỹ năng quản lý công nghệ và kỹ năng mềm cho lãnh đạo và nhân viên; khuyến khích doanh

ngành hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu để xây dựng các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn; tiếp tục quan tâm xây dựng môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo, thử nghiệm và chấp nhận rủi ro, trong đó lãnh đạo doanh nghiệp cần tạo điều kiện cho nhân viên tham gia vào quá trình đổi mới sáng tạo; đồng thời, thiết lập cơ chế khen thưởng và ghi nhận những đóng góp của họ. Bên cạnh đó, cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và làm chủ các công nghệ tiên tiến (AI, IoT, Big Data, Blockchain...); khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chương trình chuyển đổi số do Nhà nước hoặc các tổ chức tư vấn uy tín triển khai.

(3) Về tăng cường kết nối và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trong đó tạo điều kiện hợp tác giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và cơ quan quản lý nhà nước trong việc triển khai các dự án R&D, thương mại hóa sản phẩm và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội; hỗ trợ liên kết giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa, giữa doanh nghiệp công nghệ và doanh nghiệp truyền thống để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và nguồn lực; thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực công nghệ cao và đổi mới sáng tạo cũng như tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu, tiếp cận công nghệ và thị trường quốc tế.

Ba là, nâng cao chất lượng và hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân.

(1) Cần xây dựng hệ thống chính sách hỗ trợ kinh tế tư nhân theo hướng tổng thể, đồng bộ, tập trung. Trong đó, các chính sách cần được thiết kế dựa trên nguyên tắc thị trường, minh bạch, có cơ chế phản hồi và định kỳ rà soát để điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, tránh chồng chéo, phân tán, thiếu đồng bộ giữa các cấp, các ngành, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận chính sách.

(2) Chính sách hỗ trợ cần chuyển từ khuyến khích sang phát triển năng lực cạnh tranh. Nhà nước cần tập trung tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực. Các chương trình hỗ trợ cần khuyến khích tinh thần tự lực khởi nghiệp thông qua việc hình thành các quỹ đổi mới sáng tạo công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, trung tâm ươm tạo và mạng lưới cố vấn chuyên môn. Đồng thời, mở rộng kênh tiếp cận tín dụng, giảm thiểu rủi ro tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua bảo lãnh tín dụng, ưu đãi lãi suất và các công cụ tài chính trung gian.

(3) Nâng cao hiệu quả thực thi và quản trị chính sách. Theo đó, cần nâng cao năng lực của bộ máy thực thi chính sách ở cả trung ương và địa phương, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát và đánh giá chính sách. Ngoài ra, thường xuyên tham vấn cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề và các chuyên gia độc lập, từ đó, góp phần bảo đảm chính sách thực tiễn, khả thi và phù hợp với nhu cầu phát triển của từng nhóm doanh nghiệp.

Bốn là, tăng cường liên kết, tham gia chuỗi giá trị và phát triển bền vững.

Nhà nước cần tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân liên kết với các tập đoàn lớn, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức nghiên cứu, đào tạo để hình thành mạng lưới sản xuất, cung ứng và tiêu thụ hàng hóa theo hướng chuyên môn hóa và gia tăng giá trị. Chính sách thu hút đầu tư cần được thiết kế để tạo ra “cú hích” lan tỏa công nghệ và năng lực quản trị từ khu vực FDI sang khu vực tư nhân trong nước.

Việc phát triển các cụm công nghiệp, khu công nghiệp chuyên sâu, vùng kinh tế trọng điểm sẽ giúp tăng cường kết nối chuỗi giá trị và hiệu quả phân bổ nguồn lực. Bên cạnh đó,

cần quan tâm, tập trung thúc đẩy hợp tác theo mô hình cụm công nghiệp, chuỗi cung ứng nội địa hóa (có thể chia sẻ nguồn lực, giảm chi phí giao dịch và nâng cao năng lực tham gia vào các dự án lớn). Nhà nước cần hỗ trợ hạ tầng logistics, chuyển đổi số trong quản lý chuỗi cung ứng, phát triển các nền tảng thương mại điện tử chuyên biệt để kết nối cung cầu. Việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp tư nhân đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của chuỗi giá trị toàn cầu.

Năm là, phát triển bền vững phải trở thành kim chỉ nam cho kinh tế tư nhân trong suốt quá trình liên kết và hội nhập.

Doanh nghiệp tư nhân cần tập trung đầu tư vào công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, quản trị môi trường và trách nhiệm xã hội. Nhà nước ban hành cơ chế khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn ESG (môi trường - xã hội - quản trị); đồng thời phát triển thị trường tài chính xanh và tín dụng xanh. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và phát triển con người sẽ tạo nền tảng cho kinh tế tư nhân Việt Nam phát triển bền vững, bảo đảm hội nhập hiệu quả và khẳng định vai trò là động lực của nền kinh tế quốc dân.

5. Kết luận

Việc giải phóng và củng cố các động lực phát triển của kinh tế tư nhân không chỉ là nhiệm vụ kinh tế mà còn là yêu cầu chính trị - xã hội của chiến lược quốc gia. Khu vực kinh tế tư nhân không chỉ đóng góp vào tăng trưởng GDP, tạo việc làm mà còn là thước đo tính tự chủ, sáng tạo và trình độ hiện đại hóa của nền kinh tế Việt Nam. Trong giai đoạn phát triển mới, với định hướng đúng đắn, thể chế minh bạch, sự hỗ trợ của Nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam hoàn toàn có thể trở thành động lực nội sinh chủ chốt, góp phần hiện thực hóa khát vọng của đất nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh” cũng như mục tiêu trở thành

một đất nước thịnh vượng và hạnh phúc vào giữa thế kỷ XXI□

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. H. Văn phòng Trung ương Đảng, tr. 107 - 108.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 240.
3. *Kinh tế tư nhân - động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng*. <https://hanoionline.vn>, ngày 07/3/2025.
4. Schumpeter, J. A. (1934). *The Theory of Economic Development: An Inquiry into Profits, Capital, Credit, Interest and the Business Cycle* (Lý thuyết phát triển kinh tế: Nghiên cứu về lợi nhuận, vốn, tín dụng, lãi suất và chu kỳ kinh tế). Cambridge, MA: Harvard University Press.
5. Drucker, P. F. (1985). *Innovation and Entrepreneurship: Practice and Principles* [Đổi mới và khởi nghiệp: thực tiễn và nguyên lý]. New York: Harper & Row.
6. North, D. C. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. Cambridge: Cambridge University Press.
7. *Chiếm gần 98% tổng số doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa đang ở đầu trong nền kinh tế*. <https://baodautu.vn>, ngày 27/02/2025.
8. *Gần một nửa số doanh nghiệp tư nhân thua lỗ hàng năm*. <https://vietnamnet.vn>, ngày 15/8/2025.
9. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (2025). *Báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2024*.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
2. Chính phủ (2021). *Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021*.
3. Quốc hội (2025). *Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khu vực kinh tế tư nhân*.
4. Trần Mai Uớc và cộng sự (2020). *Khu vực tư nhân - Một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Chính sách tài chính cho phát triển khu vực tư nhân ở Việt Nam*. H. NXB Tài chính. ISBN 978-604-792-549-0.